

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	Kết quả đánh giá
1	Đặc tính kỹ thuật của hàng hóa		
1.1	Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ	Có đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ hoàn toàn phù hợp đáp ứng yêu cầu tại Chương V của E-HSMT.	Đạt
		Hàng hóa không đáp ứng bất cứ yêu cầu nào của E-HSMT	Không đạt
1.2	Tài liệu kỹ thuật	Cung cấp đầy đủ tài liệu (catalog/datasheet...) để chứng minh các thông số kỹ thuật cho các sản phẩm đang chào thầu là chính xác và mới nhất của hãng (tài liệu cung cấp có thể kiểm chứng được và được xác nhận có giá trị). Trường hợp cung cấp dạng option, khác cấu hình chuẩn, thì phải có tài liệu xác nhận, chứng minh của hãng là các option này phù hợp với sản phẩm đang chào thầu	Đạt
		Hàng hóa không đáp ứng bất cứ yêu cầu nào của E-HSMT	Không đạt
1.3	Bảng chi tiết so sánh, đánh giá đáp ứng thông số kỹ thuật	Cung cấp bảng chi tiết so sánh, đánh giá đáp ứng thông số kỹ thuật tại Chương V HSMT. Đối với từng thông số kỹ thuật của sản phẩm, nhà thầu ghi rõ mức độ đáp ứng (không đáp ứng, đáp ứng, vượt), diễn giải /thuyết minh các nội dung không hoàn toàn đáp ứng hoặc cấu hình tương đương và có tham chiếu chi tiết nội dung vào Tài liệu kỹ thuật.	Đạt
		Hàng hóa không đáp ứng bất cứ yêu cầu nào của E-HSMT	Không đạt
1.4	Tiêu chuẩn chất lượng của hàng hóa	- Cam kết Thiết bị mới 100% chưa qua sử dụng, có nhãn mác, xuất xứ, tên hãng sản xuất rõ ràng, còn nguyên đai nguyên kiện. - Cam kết cung cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa do cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu	Đạt

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	Kết quả đánh giá
		hoặc nước sản xuất cấp (CO) cho các thiết bị chính đối với hàng hóa nhập khẩu hoặc Giấy chứng nhận xuất xưởng hoặc Phiếu xuất kho đối với hàng hóa trong nước - Cam kết cung cấp Giấy chứng nhận chất lượng của nhà sản xuất (CQ) cho các thiết bị	
		Hàng hóa không đáp ứng bất cứ yêu cầu nào của E-HSMT	Không đạt
2	Giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, triển khai, lắp đặt hàng hóa		
2.1	Giải pháp triển khai cung cấp hàng hóa	Nhà thầu có đề xuất giải pháp triển khai cung cấp hàng hóa được trình bày hợp lý, khả thi hoàn toàn phù hợp hoặc vượt trội với yêu cầu tại Chương V của E-HSMT.	Đạt
		Nhà thầu không có hoặc có đề xuất giải pháp triển khai nhưng không đáp ứng yêu cầu của HSMT hoặc mâu thuẫn, dẫn đến không thể triển khai thực hiện gói thầu.	Không đạt
3	Tiến độ cung cấp, lắp đặt hàng hóa		
3.1	Bảng tiến độ cung cấp hàng hóa hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT	Có bảng tiến độ cung cấp hàng hóa hợp lý, khả thi, phù hợp và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT với tổng thời gian cung cấp không quá 45 ngày	Đạt
		Không có bảng tiến độ cung cấp hàng hóa hợp lý, khả thi, phù hợp và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT với tổng thời gian cung cấp không quá 45 ngày	Không đạt
4	Bảo hành		
4.1	Thời gian bảo hành	- Có cam kết thời gian bảo hành đối với tất cả hàng hóa cung cấp thuộc gói thầu tối thiểu 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu bàn giao và đưa vào sử dụng - Cam kết có mặt trong vòng 12 giờ để sửa chữa, khắc phục các hư	Đạt

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	Kết quả đánh giá
		hỏng, sai sót kể từ khi nhận được yêu cầu của chủ đầu tư.	
		- Không có cam kết thời gian bảo hành đối với tất cả hàng hóa cung cấp thuộc gói thầu tối thiểu theo yêu cầu kể từ ngày nghiệm thu bàn giao và đưa vào sử dụng - Không có cam kết có mặt trong vòng 12 giờ để sửa chữa, khắc phục các hư hỏng, sai sót kể từ khi nhận được yêu cầu của chủ đầu tư	Không đạt
4.2	Yêu cầu về bảo hành và hỗ trợ kỹ thuật	Nhà thầu nêu các phương án bảo hành, hỗ trợ khắc phục sự cố rõ ràng hợp lý, khả thi hoàn toàn phù hợp hoặc vượt trội với yêu cầu tại Chương V của E-HSMT	Đạt
		Nhà thầu không có hoặc có đề xuất phương án bảo hành và hỗ trợ kỹ thuật nhưng không đáp ứng yêu cầu của HSMT hoặc mâu thuẫn, dẫn đến không thể triển khai thực hiện gói thầu	Không đạt
5	Các yêu cầu khác		
5.1	Thời gian thực hiện cung cấp hàng hóa	≤ 10 ngày	Đạt
		> 10 ngày	Không đạt
5.2	Cam kết không vi phạm Luật Sở hữu trí tuệ, chính sách thuế và các chính sách liên quan do Nhà nước ban hành	Có cam kết và đáp ứng yêu cầu	Đạt
		Không có cam kết hoặc có nhưng không đáp ứng yêu cầu	Không đạt
5.3	Bảng giá chào chi tiết	Có bảng giá chào chi tiết đủ các danh mục quy định tại chương V	Đạt
		Không có bảng giá chào chi tiết đủ các danh mục quy định tại chương	Không đạt
Kết luận:		Tất cả các tiêu chí từ 1 đến 5 được đánh giá là “đạt”	Đạt
		Có tiêu chí được đánh giá là “không đạt”.	Không đạt

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính**Phương pháp giá thấp nhất:**

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu, giá dự thầu sau giảm giá (nếu có);

Bước 2. Xác định giá trị ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 28 E-CDNT;

Bước 3. Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Mục 5. Phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT (nếu có)

Không có

Mục 6. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập (nếu có)

Không có

Chương IV. BIỂU MẪU MỜI THẦU VÀ DỰ THẦU

Stt	Biểu mẫu	Cách thức thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	
			Chủ đầu tư	Nhà thầu
1	Mẫu số 01A. Phạm vi cung cấp hàng hóa (Áp dụng đối với hợp đồng trọn gói)	Webform	X	
2	Mẫu số 01D. Các dịch vụ liên quan		X	
3	Mẫu số 01E. Vật tư, phụ tùng thay thế		X	
4	Mẫu số 02A. Đơn dự thầu (áp dụng đối với nhà thầu là tổ chức)			X
5	Mẫu số 02B. Đơn dự thầu (áp dụng đối với nhà thầu là cá nhân, nhóm cá nhân sản xuất sản phẩm đổi mới sáng tạo)			X
6	Mẫu số 02C. Văn bản thỏa thuận (áp dụng đối với nhóm cá nhân sản xuất sản phẩm đổi mới sáng tạo)			X
7	Mẫu số 03. Thỏa thuận liên danh			X
8	Mẫu số 04A. Bảo lãnh dự thầu (áp dụng đối với nhà thầu độc lập)	Scan và đính kèm hoặc bảo lãnh điện tử		X
9	Mẫu số 04B. Bảo lãnh dự thầu (áp dụng đối với nhà thầu liên danh)			X
10	Mẫu số 05A. Hợp đồng tương tự do nhà thầu thực hiện (áp dụng đối với nhà thầu thương mại)	Webform		X
11	Mẫu số 05B. kê khai năng lực sản xuất hàng hóa (áp dụng đối với nhà thầu là nhà sản xuất)			X
12	Mẫu số 06A. Bảng đề xuất nhân sự chủ chốt			X

13	Mẫu số 06B. Bảng lý lịch chuyên môn của nhân sự chủ chốt			X
14	Mẫu số 06C. Bảng kinh nghiệm chuyên môn			X
15	Mẫu số 07. Hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ			X
16	Mẫu số 08. Tình hình tài chính của nhà thầu			X
17	Mẫu số 09A. Phạm vi công việc sử dụng nhà thầu phụ			X
18	Mẫu số 09B. Danh sách các công ty con, công ty thành viên đảm nhận phần công việc của gói thầu			X
19	Mẫu số 10A. Bảng tiến độ cung cấp			X
20	Mẫu số 10B. Đề xuất về hàng hóa của nhà thầu			X
21	Mẫu số 11.1. Bảng tổng hợp giá dự thầu (Trường hợp E-HSMT yêu cầu chào thầu theo Mẫu số 12.1 Chương này)			X
22	Mẫu số 12.1A. Bảng giá dự thầu của hàng hóa (áp dụng loại hợp đồng trọn gói)			X
23	Mẫu số 13A. Bảng giá dự thầu cho các dịch vụ liên quan (áp dụng loại hợp đồng trọn gói và loại hợp đồng theo đơn giá)			X
24	Mẫu số 14A. Bảng giá vật tư, phụ tùng thay thế (Áp dụng trong trường hợp yêu cầu nhà thầu tự đề xuất)			X
25	Mẫu số 14B. Bảng giá vật tư, phụ tùng thay thế (Áp dụng trong trường hợp Chủ đầu tư yêu cầu)			X
26	Mẫu số 15A. Bảng kê hàng hóa thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi			X

27	Mẫu số 15B. Chi phí sản xuất trong nước đối với hàng hóa được hưởng ưu đãi (trường hợp kê khai chi phí nhập ngoại)			X
28	Mẫu số 15C. Chi phí sản xuất trong nước đối với hàng hóa được hưởng ưu đãi (trường hợp kê khai chi phí sản xuất tại Việt Nam)			X

Mẫu số 01A (webform trên Hệ thống)

PHẠM VI CUNG CẤP HÀNG HÓA
(Áp dụng đối với loại hợp đồng trọn gói)

Chủ đầu tư liệt kê chi tiết danh mục các hàng hóa yêu cầu cung cấp. Trong đó cần nêu rõ danh mục hàng hóa với số lượng, chủng loại yêu cầu và các mô tả, diễn giải chi tiết (nếu cần thiết).

STT	Danh mục hàng hóa ⁽¹⁾	Đơn vị tính	Khối lượng	Mô tả hàng hóa ⁽²⁾	Yêu cầu về xuất xứ hàng hóa (nếu có) ⁽³⁾	Địa điểm dự án	Ngày giao hàng ⁽⁴⁾	
							Ngày giao hàng sớm nhất [ghi số ngày: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc kể từ ngày chủ đầu tư yêu cầu giao hàng đối với trường hợp giao hàng nhiều lần]	Ngày giao hàng muộn nhất [ghi số ngày: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc kể từ ngày chủ đầu tư yêu cầu giao hàng đối với trường hợp giao hàng nhiều lần]
1	Mua sắm, lắp đặt thiết bị	Gói	01	Quy định tại chương V		Xã An Long, thành phố Hồ Chí Minh	01 ngày	10 ngày

Ghi chú:

(1) Danh mục hàng hóa bao gồm các hạng mục hàng hóa, mỗi hạng mục hàng hóa tương ứng với khối lượng, đơn vị tính và các thông tin khác trong Bảng này.

(2) Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương V.

(3) Áp dụng trong các trường hợp:

- Chủ đầu tư yêu cầu về xuất xứ theo nhóm nước, vùng lãnh thổ theo quy định tại khoản 2 Điều 44 của Luật Đấu thầu. Trong trường hợp này, nhà thầu phải chào hàng hóa theo đúng yêu cầu về xuất xứ hoặc xuất xứ Việt Nam, kể cả trong trường

hợp xuất xứ theo nhóm nước, vùng lãnh thổ mà Chủ đầu tư yêu cầu không có Việt Nam. Nhà thầu chào hàng hóa không có xuất xứ theo yêu cầu của E-HSMT hoặc không phải xuất xứ Việt Nam thì sẽ bị loại.

Ví dụ về nhóm nước, vùng lãnh thổ: Châu Âu, Châu Á, Châu Mỹ...; Liên minh Châu Âu (EU), Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), nhóm các nền kinh tế lớn G20, G8, G7...

- Chủ đầu tư quyết định việc yêu cầu nhà thầu chào hàng hóa xuất xứ trong nước khi gói thầu mua sắm hàng hóa đáp ứng quy định tại điểm e khoản 3 Điều 10 của Luật Đấu thầu. Trong trường hợp này, nhà thầu phải chào hàng hóa xuất xứ Việt Nam, nhà thầu chào hàng hóa không có xuất xứ Việt Nam sẽ bị loại.

Trường hợp Chủ đầu tư không yêu cầu về xuất xứ thì để trống nội dung này.

(4) Ngày giao hàng phù hợp với yêu cầu kỹ thuật quy định tại Chương V.

Trường hợp gói thầu chia phần (lô), Chủ đầu tư phải điền rõ tên từng phần (lô) và các hàng hóa như Mẫu này.

Mẫu số 01D (webform trên Hệ thống)**CÁC DỊCH VỤ LIÊN QUAN ⁽¹⁾**

Chủ đầu tư liệt kê danh mục các dịch vụ liên quan để thực hiện gói thầu theo bảng sau:

STT	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ ⁽²⁾
1	Đóng gói, vận chuyển, cài đặt, lắp đặt	1	gói	Xã An Long, thành phố Hồ Chí Minh	Tối đa 10 ngày, kể từ khi hợp đồng có hiệu lực
2	Bàn giao hàng hóa; vận hành thử, hướng dẫn sử dụng hàng hóa; nghiệm thu	1	gói	Xã An Long, thành phố Hồ Chí Minh	Tối đa 10 ngày, kể từ khi hợp đồng có hiệu lực
3	Bảo hành	1	gói	Xã An Long, thành phố Hồ Chí Minh	Theo đề xuất của nhà thầu
4	Khác (nếu có)	1	gói	Theo đề xuất của nhà thầu (nếu có)	Theo đề xuất của nhà thầu (nếu có)

Ghi chú:

(1) Trường hợp gói thầu không yêu cầu dịch vụ liên quan thì Chủ đầu tư không nhập Biểu này trên Hệ thống.

(2) “Ngày hoàn thành dịch vụ” phải hợp lý, phù hợp với “Ngày giao hàng” tại Mẫu số 01A, 01B, 01C.

VẬT TƯ, PHỤ TÙNG THAY THẾ

(Áp dụng trong trường hợp Chủ đầu tư có yêu cầu cụ thể về vật tư, phụ tùng thay thế)

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Khối lượng
(1)	(2)	(3)	(4)

Ghi chú:

Chủ đầu tư điền các cột (1), (2), (3), (4) cho phù hợp với yêu cầu tại Mục 15.10 E-CDNT và Mục 4 Chương III.

Mẫu số 02A (webform trên Hệ thống)

ĐƠN DỰ THẦU⁽¹⁾

(Áp dụng đối với nhà thầu là tổ chức)

Ngày: ____ *[Hệ thống tự động trích xuất]*

Tên gói thầu: ____ *[Hệ thống tự động trích xuất]*

Kính gửi: ____ *[Hệ thống tự động trích xuất]*

Sau khi nghiên cứu E-HSMT, chúng tôi:

Tên nhà thầu: ____ *[Hệ thống tự động trích xuất]*, Mã số thuế: ____ *[Hệ thống tự động trích xuất]* cam kết thực hiện gói thầu ____ *[Hệ thống tự động trích xuất]* số E-TBMT: ____ *[Hệ thống tự động trích xuất]* theo đúng yêu cầu nêu trong E-HSMT với giá dự thầu (tổng số tiền) là ____ *[Hệ thống tự động trích xuất]* cùng với các bảng tổng hợp giá dự thầu kèm theo.

Ngoài ra, chúng tôi tự nguyện giảm giá dự thầu với tỷ lệ phần trăm giảm giá là ____ *[Ghi tỷ lệ giảm giá, nếu có]*.

Giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá là: ____ *[Hệ thống tự động tính]* (đã bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có)).

Hiệu lực của E-HSDT: ____ *[Hệ thống tự động trích xuất]*

Bảo đảm dự thầu*: ____ *[ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền của bảo đảm dự thầu]*

Hiệu lực của Bảo đảm dự thầu⁽²⁾: ____ *[ghi thời gian hiệu lực kể từ ngày đóng thầu]*

Chúng tôi cam kết:

1. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản (không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với nhà thầu là hộ kinh doanh);

2. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu;

3. Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm tài chính gần

* Trường hợp đối với gói thầu áp dụng đấu thầu trước, pháp luật không có yêu cầu nhà thầu thực hiện bảo đảm dự thầu thì bỏ nội dung về giá trị và hiệu lực của bảo đảm dự thầu.

nhất so với thời điểm đóng thầu;

4. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu;

5. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự (chủ hộ không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp nhà thầu là hộ kinh doanh);

6. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này;

7. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu⁽³⁾;

8. Những thông tin kê khai trong E-HSDT là trung thực;

9. Trường hợp trúng thầu, E-HSDT và các văn bản bổ sung, làm rõ E-HSDT tạo thành thỏa thuận ràng buộc trách nhiệm giữa hai bên cho tới khi hợp đồng được ký kết.

10. Nếu E-HSDT của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 37.1 E-CDNT của E-HSMT;

11. Có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện gói thầu⁽⁴⁾;

12. Trường hợp chúng tôi không nộp bản gốc bảo đảm dự thầu theo yêu cầu của Chủ đầu tư quy định tại Mục 18.5 E-CDNT; trong trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng, không nộp tiền mặt, Séc bảo chi, thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh theo quy định tại Mục 18.8 E-CDNT thì chúng tôi sẽ bị đánh giá không đảm bảo uy tín khi tham dự thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, nêu tên trên Hệ thống và tài khoản của chúng tôi sẽ bị khóa trong vòng 06 tháng kể từ ngày Chủ đầu tư công khai tên chúng tôi trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, trừ trường hợp bất khả kháng⁽⁵⁾.

Ghi chú:

(1) Đơn dự thầu được ký bằng chữ ký số của nhà thầu khi nhà thầu nộp E-HSDT.

(2) Trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng thì không áp dụng nội dung này.

(3) E-HSMT không được yêu cầu nhà thầu phải nộp lý lịch tư pháp của nhân sự để chứng minh cho nội dung đánh giá này.